

Số: 02/2019/QĐST-HNGĐ

Sông Hình, ngày 03 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ung Thị Tuyết N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn ĐP, xã ĐBT, huyện SH, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Anh Võ Tiến D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn TB, xã ĐBT, huyện SH, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ung Thị Tuyết N và anh Võ Tiến D

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Giao cho chị Ung Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung là Võ Mai N, sinh ngày 14/4/2010 và Võ Phi H, sinh ngày 23/8/2014. Anh Võ Tiến D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000^d (Một triệu đồng)/con/tháng kể từ tháng 12/2018 cho đến khi có một

trong những trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

* Về tài sản chung: Chị Ung Thị Tuyết N và anh Võ Tiến D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

* Về án phí: Chị Ung Thị Tuyết N tự nguyện chịu 150.000^d án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000^d án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, được tính trừ vào số tiền 2.713.000^d đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0012715 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên. Trả lại chị Ung Thị Tuyết N 2.413.000^d (Hai triệu bốn trăm mười ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Sông Hình;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- CCTHADS huyện Sông Hình;
- UBND xã ĐBT, huyện Sông Hình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Thị Đông